TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA: Giáo Dục Thể Chất - Quốc Phòng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2022-2023

Môn: **GDTC- Cầu lông 1** Nhóm: **03**

CBGD: **Trương Quang Minh (234012)**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	BP.1	BP.2	BP.3	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234008	1	2122190146	Nguyễn Thị Tường	An	12/08/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.5	9.5	9.3	8.0	8.5	
234008	2	2122190138	Đào Thị Ngọc	Ánh	01/03/2004	Tài chính - Ngân hàng C	8.0	9.0	6.5	7.5	4.0	5.4	
234008	3	2121180021	Võ Cao	Bảo	13/08/2003	Công nghệ KT nhiệt A	8.5	9.5	9.5	9.3	9.0	9.1	
234008	4	2122100050	Trần Ngọc Kim	Chi	25/11/2004	Kế toán B	9.5	9.5	7.0	8.3	4.0	5.7	
234008	5	2122100321	Lê Thị Ngọc	Cúc	15/10/2004	Kế toán B	9.5	9.0	7.0	8.1	8.0	8.1	
234008	6	2122100058	Nguyễn Thị Kim	Đài	15/07/2004	Kế toán B	6.0	7.0	7.0	6.8	8.0	7.5	
234008	7	2122190073	Nguyễn Trần Cẩm	Điệp	07/03/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.5	9.5	9.4	6.0	7.4	
234008	8	2122190149	Lê Thị	Diệu	10/04/2004	Tài chính - Ngân hàng D	6.0	7.0	6.0	6.3	6.0	6.1	
234008	9	2121170667	Nguyễn Bảo	Duy	27/08/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô I	7.0	8.0	6.5	7.0	10.0	8.8	
234008	10	2122190081	Vương Nguyên	Giáp	07/03/2004	Tài chính - Ngân hàng C	6.0	7.0	6.0	6.3	6.0	6.1	
234008	11	2122190099	Lâm Thị Ngọc	Hân	08/09/2002	Tài chính - Ngân hàng C	9.5	9.0	6.0	7.6	6.0	6.7	
234008	12	2122190124	Mai Thị Bích	Hằng	24/08/2003	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.5	9.5	9.3	9.0	9.1	
234008	13	2122120065	Trần Thị Như	Hảo	08/03/2004	Quản trị KD tổng hợp B	8.0	9.0	6.5	7.5	7.0	7.2	
234008	14	2122190070	Phạm Kim	Hoàng	22/05/2004	Tài chính - Ngân hàng C	8.0	9.0	6.5	7.5	7.0	7.2	
234008	15	2122100064	Trịnh Thị Kim	Huê	07/10/2004	Kế toán B	8.5	8.0	7.0	7.6	5.0	6.1	
234008	16	2122190111	Phạm Thiên	Hương	03/03/2004	Tài chính - Ngân hàng D	7.0	9.0	6.5	7.3	8.0	7.7	
234008	17	2122190082	Nguyễn Lương Trọng	Hữu	20/10/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.5	9.0	6.0	7.6	5.0	6.1	
234008	18	2122190092	Đặng Thị Ngọc	Huyền	14/09/2004	Tài chính - Ngân hàng C	5.0	7.0	6.5	6.3	9.0	7.9	
234008	19	2122190107	Nguyễn Thị	Huyền	12/11/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.5	9.5	9.3	6.0	7.3	
234008	20	2122100045	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	09/03/2003	Kế toán B	6.0	6.0	7.0	6.5	7.0	6.8	
234008	21	2122100039	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/02/2004	Kế toán B	9.5	9.0	7.0	8.1	8.0	8.1	
234008	22	2122100322	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	14/11/2004	Kế toán B	9.5	9.0	7.0	8.1	10.0	9.3	
234008	23	2122190080	Phan Gia Triều	Khánh	21/04/2003	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.0	6.0	7.5	8.0	7.8	

234008	24	2122190125	Nguyễn Thị Thiên	Kim	16/08/2004	Tài chính - Ngân hàng D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234008	25	2122190079	Nguyễn Trọng	Kính	05/04/2004	Tài chính - Ngân hàng C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234008	26	2122100051	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	25/02/2004	Kế toán B	9.5	9.5	7.0	8.3	9.0	8.7	
234008	27	2122190144	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/12/2004	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	9.0	6.0	7.5	10.0	9.0	
234008	28	2122100046	Trần Ngọc	Linh	01/01/2004	Kế toán B	8.0	9.0	6.5	7.5	10.0	9.0	
234008	29	2122100053	Đặng Nguyễn Hồng	Loan	28/08/2004	Kế toán B	10.0	10.0	7.5	8.8	10.0	9.5	
234008	30	2122100072	Tô Thị Phương	Loan	20/03/2004	Kế toán B	9.5	9.5	7.0	8.3	5.0	6.3	
234008	31	2122190148	Nguyễn Đình	Luyến	24/10/2000	Tài chính - Ngân hàng D	5.5	8.0	9.5	8.1	10.0	9.3	
234008	32	2122190162	Châu Nữ Yến	Ly	30/08/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.5	6.5	7.8	6.0	6.7	
234008	33	2122100043	Huỳnh Khánh	Ly	01/02/2004	Kế toán B	8.0	8.0	7.0	7.5	4.0	5.4	
234008	34	2122100054	Nguyễn Thị	Mai	04/11/2004	Kế toán B	9.5	9.5	7.0	8.3	5.0	6.3	
234008	35	2122170085	Huỳnh Nhựt	Minh	12/11/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô C	9.5	9.0	7.0	8.1	10.0	9.3	
234008	36	2121120568	Triệu Tiến	Mười	09/07/1999	Quản trị KD tổng hợp Q	7.5	8.0	9.5	8.6	10.0	9.5	
234008	37	2122100049	Phan Trịnh My	My	27/12/2004	Kế toán B	9.5	9.0	7.0	8.1	6.0	6.9	
234008	38	2122190126	Trịnh Thị Thanh	Nga	27/08/2004	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	9.0	6.0	7.5	10.0	9.0	
234008	39	2122100071	Nguyễn Khánh	Ngân	04/09/2004	Kế toán B	5.0	5.0	7.0	6.0	7.0	6.6	
234008	40	2122100059	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	27/10/2004	Kế toán B	8.5	9.0	6.5	7.6	10.0	9.1	
234008	41	2122190077	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/05/2004	Tài chính - Ngân hàng C	8.5	9.5	6.5	7.8	8.0	7.9	
234008	42	2122100038	Phan Thị Tuyết	Ngân	30/12/2004	Kế toán B	6.5	8.0	7.0	7.1	6.0	6.5	
234008	43	2122190128	Nguyễn Phạm Thái	Nguyên	07/07/2004	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	9.0	6.0	7.5	8.0	7.8	
234008	44	2122190078	Nguyễn Trần Mỹ	Nhi	06/07/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.5	9.5	9.4	4.0	6.2	
234008	45	2122190147	Trần Lê Yến	Nhi	28/10/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.0	9.0	6.5	7.5	6.0	6.6	
234008	46	2122190113	Trần Thị Uyên	Nhi	02/09/2004	Tài chính - Ngân hàng D	7.5	8.0	6.5	7.1	8.0	7.7	
234008	47	2122190075	Mai Thị Hồng	Nhung	07/07/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.5	9.0	6.0	7.6	6.0	6.7	
234008	48	2122180003	Nguyễn Minh	Nhựt	28/10/2004	Công nghệ KT nhiệt A	9.5	9.0	7.0	8.1	8.0	8.1	
234008	49	2122190142	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	26/06/2003	Tài chính - Ngân hàng D	6.0	7.0	6.0	6.3	7.0	6.7	
234008	50	2122190087	Nguyễn Tuấn	Phát	17/07/2001	Tài chính - Ngân hàng C	5.5	8.0	9.5	8.1	10.0	9.3	
234008	51	2122190071	Huỳnh Nguyễn Thu	Phương	25/05/2004	Tài chính - Ngân hàng C	6.5	7.0	7.0	6.9	5.0	5.8	
234008	52	2122190106	Võ Thị Như	Quỳnh	06/05/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	7.0	9.5	8.6	6.0	7.1	
234008	53	2122190123	Ka	Riên	26/12/2003	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	9.0	6.0	7.5	4.0	5.4	
234008	54	2122190083	Lê Thị Kiều	Sang	28/04/2004	Tài chính - Ngân hàng C	8.5	9.5	9.5	9.3	7.0	7.9	
234008	55	2122190161	Phạm Duy	Tân	12/01/2004	Tài chính - Ngân hàng C	6.0	8.0	6.0	6.5	5.0	5.6	
234008	56	2122190157	Nguyễn Minh	Thiên	01/10/2003	Tài chính - Ngân hàng D	8.0	9.0	6.5	7.5	9.0	8.4	

234008	57	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	Công nghệ KT nhiệt B	9.5	9.0	7.0	8.1	10.0	9.3	
234008	58	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	Tài chính - Ngân hàng C	7.5	8.0	6.0	6.9	6.0	6.4	
234008	59	2122190091	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	03/06/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.0	6.0	7.5	5.0	6.0	
234008	60	2122190121	Trần Thị Minh	Thư	16/05/2004	Tài chính - Ngân hàng D	9.5	9.0	6.0	7.6	5.0	6.1	
234008	61	2122190089	Bùi Minh	Thuận	18/06/1999	Tài chính - Ngân hàng C	6.0	8.5	9.5	8.4	6.0	7.0	
234008	62	2122190141	Nguyễn Trịnh Phương	Thúy	11/04/2003	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
234008	63	2122190137	Lê Huỳnh Cẩm	Tiên	11/06/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.0	6.0	7.5	6.0	6.6	
234008	64	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	Điện công nghiệp C	10.0	10.0	9.5	9.8	10.0	9.9	
234008	65	2122190069	Huỳnh Ngọc	Trâm	03/07/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.0	6.0	7.5	6.0	6.6	
234008	66	2122190093	Phạm Thị Ngọc	Trâm	24/11/2004	Tài chính - Ngân hàng C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234008	67	2122190072	Châu Nữ Thùy	Trang	14/02/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	9.0	6.5	7.8	8.0	7.9	
234008	68	2122190151	Trần Thị Huyền	Trang	15/02/2004	Tài chính - Ngân hàng D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
234008	69	2122190119	Trịnh Hoài Nhã	Trúc	03/02/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.5	9.5	9.5	9.3	4.0	6.1	
234008	70	2122190120	Đỗ Thị Ngọc	Yến	07/02/2004	Tài chính - Ngân hàng D	8.0	8.0	6.5	7.3	6.0	6.5	
234008	71	2122190074	Hồ Thị Kim	Yến	04/02/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.5	9.0	6.0	7.6	7.0	7.3	

Cán bộ coi thi 1

Trương Quang Minh

Cán bộ coi thi 2

Lương Anh Kiệt

Giảng viên chấm thi 1

Trương Quang Minh

Giảng viên chấm thi 2

Lương Anh Kiệt